

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v tranh chấp: “HN&GD - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.
2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 899/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thùy L, sinh năm: 1983; có mặt.

Địa chỉ: Ấp Thị 1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Huy H, sinh năm 1981; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp An Thái, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2019, quá trình tòa án giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Thị Thùy L trình bày:

Vào năm 2010, thông qua mai mối nên bà với ông Lê Huy H thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Hòa Bình, huyện CM, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 100 Quyển số 01 ngày 27/5/2010 (Giấy CN kết hôn số 100). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đồng thời ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn chung sống kể từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thanh Sơn, sinh ngày 31/01/2011; Lê Thanh Đăng, sinh ngày 13/3/2013 và Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 23/9/2018, hiện tất cả đều đang do bà nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông H không còn nên có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Về con chung: Yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 03 con chung tên Lê Thanh Sơn, sinh ngày 31/01/2011; Lê Thanh Đăng, sinh ngày 13/3/2013 và Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 23/9/2018, yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Huy H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại các bản tự khai cùng ngày 06/02/2020 của các cháu Lê Thanh Sơn và Lê Thanh Đăng đều có nội dung thể hiện nguyện vọng là mong Tòa án xem xét cho các cháu được tiếp tục chung sống với mẹ ruột là bà Ngô Thị Thùy L trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà L được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Ngô Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Lê Huy H và yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông H với tư cách là bị đơn trong vụ án có địa chỉ nơi cư trú tại ấp An Thái, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L cho rằng do mai mối nên bà với ông H thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc và có 03 con chung Lê Thanh Sơn; Lê Thanh Đăng và Lê Thanh Tuyền. Tuy nhiên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đồng thời ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn chung sống kể từ năm 2018 đến nay. Chứng minh cho lời trình bày của mình, bà L có cung cấp Giấy CN kết hôn số 100; Bản sao Giấy khai sinh số 32 – Quyền 01/2011 của cháu Lê Thanh Sơn; Bản sao Giấy khai sinh số 79/2013 – Quyền 01/2013 của cháu Lê Thanh Đăng và Bản sao trích lục khai sinh số 2565/TLKS-BS của cháu Lê Thanh Tuyền. Như vậy, bà L đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông H vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, căn cứ lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án xác định hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn đã làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ năm 2018 đến nay là có thật. Do đó, bà L và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L có yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống, bà với ông H có 03 con chung tên Lê Thanh Sơn, sinh ngày 31/01/2011; Lê Thanh Đăng, sinh ngày 13/3/2013 và Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 23/9/2018 đang do bà L nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, các cháu Sơn, Đăng và Tuyền sống chung với bà L, dưới sự chăm sóc, giáo dục của mẹ, các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy bà L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Do đó, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung của bà L chẳng những phù hợp với nguyện vọng của cháu Sơn và cháu Đăng mà còn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận. Ông H là người không trực tiếp nuôi con nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, ông vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp*

đưỡng cho con”. Do đó, bà L có yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là có cơ sở.

[2.4] Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng:

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”* và tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về phương thức cấp dưỡng quy định: *“Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần”*.

Ông H không tham dự phiên tòa, do đó các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên sẽ do Tòa án quyết định. Xét thấy, bà L chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng theo quy định bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở hiện hành và do đây là mức cấp dưỡng tối thiểu theo quy định nên không cần thiết phải làm rõ ông H hiện đang sinh sống bằng nghề nghiệp gì. Vì vậy, cần buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với các cháu Sơn, Đăng và Tuyên mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 31/8/2020, mỗi tháng cấp dưỡng một lần, ông H nộp trực tiếp cho bà L hoặc nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án dân sự khác.

[2.6] Về nợ chung: Bà L cũng cho rằng vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu gì, vì vậy Tòa án cũng không xem xét nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà L vẫn phải cùng ông H liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007699 ngày 19/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ cho con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ngô Thị Thùy L được ly hôn với ông Lê Huy H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thanh Sơn, sinh ngày 31/01/2011; Lê Thanh Đăng, sinh ngày 13/3/2013 và Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 23/9/2018 cho bà Ngô Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Huy H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền là 745.000 đồng/con chung/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên mỗi con chung trên tháng*) cho đến khi các cháu Sơn, Đăng và Tuyền thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 31/8/2020, mỗi tháng cấp dưỡng một lần, ông H nộp trực tiếp cho bà L hoặc nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007699 ngày 19/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ cho con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã AH.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nghĩa